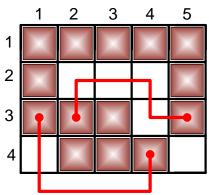
Một bảng hình chữ nhật được chia thành \mathbf{m} hàng và \mathbf{n} cột, tạo thành lưới $\mathbf{m} \times \mathbf{n}$ ô vuông đơn vị. Các hàng được đánh số từ trên xuống dưới từ 1 đến \mathbf{m} , các cột được đánh số từ trái sang phải từ 1 đến \mathbf{n} . Ô (\mathbf{i}, \mathbf{j}) là ô giao giữa cột \mathbf{i} và dòng \mathbf{j} . Trên một số ô có đặt quân bài, những

ô còn lại để trống. Giữa hai quân bài gọi là có đường đi nếu tồn tại một đường gấp khúc nối tâm của 2 ô chứa các quân bài đó và thỏa mãn các điều kiện sau:

- Mỗi đoạn của đường gấp khúc song song với một trong hai cạnh của bảng và có độ dài nguyên,
- Không cắt một quân bài nào khác.

Đường nối có thể đi ra ngoài bảng. Ở hình bên,có đường đi nối cặp bài (2, 3) và (5, 3), đường đi này nằm trong bảng, còn giữa hai quân bài (1, 3) và (4, 4) có đường nối và đi ra ngoài bảng.



Yêu cầu: Cho **m**, **n** và vị trí các quân bài $(1 \le \mathbf{m}, \mathbf{n} \le 10^3)$. Hãy xác định đường đi ngắn nhất nối 2 quân bài ở các ô (**i1**, **j1**) và (**i2**, **j2**). Nếu giưa chúng không có đường đi thì đưa ra số 0.

Dữ liệu: Vào từ file văn bản PAIR.INP:

- Dòng đầu tiên chứa 2 số nguyên **m** và **n**,
- Dòng thứ i trong m dòng tiếp theo chứa xâu n ký tự từ tập {'x', '.'} mô tả trạng thái dòng thứ i của bảng. Ký tự 'X' cho biết ô có bài, ký tự '.' chỉ ô trống,
- Các dòng tiếp theo: mỗi dòng chứa 4 số nguyên i1, j1, i2, j2 xác định tọa độ cặp bài cần tìm đường nối. Tọa độ các ô đều nằm trong bảng và là ô có bài.

Kết quả: Đưa ra file văn bản PAIR.OUT, với mỗi cặp bài cho trong input đưa ra một số nguyên – độ dài đường đi ngắn nhất nối chúng (hoặc số 0), mỗi số đưa ra trên một dòng.

Ví dụ:

PAIR.INP	
4 5	
xxxxx	
xx	
xxx	
.xxx.	
2 3 5 3	
1 3 4 4	
2 3 3 4	

	PAIR.OUT
5	
6	
0	